

Số: 970 /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 11 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung  
trong lĩnh vực Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết  
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Thực hiện Quyết định số 4014/QĐ-BNN-TY ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 01 Danh mục thủ tục hành chính (Phụ lục I) sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình.

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Công khai trên Trang thông tin điện tử, trụ sở làm việc và nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

2. Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh thực hiện đăng tải đầy đủ Quyết định số 4014/QĐ-BNN-TY ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Danh mục, nội dung cụ thể của thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, địa chỉ [www.ninhbinh.gov.vn](http://www.ninhbinh.gov.vn).

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố quy trình nội bộ và hoàn thiện quy trình điện tử đối với thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này theo quy định; công khai đầy đủ nội dung của thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: [dichvucong.gov.vn](http://dichvucong.gov.vn); Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, địa chỉ: [dichvucong.ninhbinh.gov.vn](http://dichvucong.ninhbinh.gov.vn) theo quy định.

**Điều 3.** Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính (*Phụ lục II*) tại Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, VP3, VP7.

MT36/VP7/2022/KSTTHC-NNPTNT

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Tổng Quang Thìn**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC THÚ Y**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NINH BÌNH**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày       /11 /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình)*

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

| TT             | Tên thủ tục hành chính                                                          | Thời hạn giải quyết                        | Địa điểm thực hiện                | Phí, lệ phí (nếu có) | Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Dịch vụ công trực tuyến |          | Ghi chú |
|----------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------|---------|
|                |                                                                                 |                                            |                                   |                      |                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mức độ 3                | Mức độ 4 |         |
| Lĩnh vực Thú y |                                                                                 |                                            |                                   |                      |                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                         |          |         |
| 1              | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y<br>1.001686.000.00.00.H42 | 08 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 230.000 đồng/lần     | X                                        | <div>- Luật Thú y ngày 19/6/2015 của Quốc hội.</div> <div>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.</div> <div>- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y.</div> <div>- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.</div> | X                       |          |         |

|  |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
|  |  |  |  |  | <p>- Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung các Thông tư về quản lý thuốc thú y.</p> <p>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.</p> |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC THÚ Y**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH NINH BÌNH**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số       /QĐ-UBND ngày       /11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình)*

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

| TT                    | Mã số<br>thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                | Căn cứ pháp lý quy định<br>bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                     | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Lĩnh vực Thú y</b> |                             |                                                       |                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 1                     | 1.001686.000.00.00.H42      | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y | Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung các Thông tư về quản lý thuốc thú y. | Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. |